



lǐ lā
里拉

noun · lira (currency of Turkey)

Example Sentences

wǒ yòng yī bǎi lǐ lā mǎi le zhè běn shū

我用一百里拉买了这本书。

I bought this book with one hundred lira.

tǔ ěr qí lǐ lā zuì jìn biǎn zhí le hěn duō

土耳其里拉最近贬值了很多。

The Turkish lira has depreciated a lot recently.

Trace each character, then write the word on your own.

里	里	里	里	里	里	里	里	里	里
拉	拉	拉	拉	拉	拉	拉	拉	拉	拉